

THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH SỬ DỤNG VIDEO LÀM MẪU GIÁO DỤC KỸ NĂNG KẾT BẠN CHO THIẾU NIÊN RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ

Nguyễn Hoài Thương*, Đỗ Thị Thảo và Lê Thị Hiền

Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Sử dụng video làm mẫu trong quá trình giáo dục kỹ năng kết bạn (KNKB) cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) mang lại nhiều hiệu quả tích cực: giúp các em nhận biết các bước thực hiện kỹ năng, khái quát và tăng khả năng vận dụng kỹ năng trong thực tế cuộc sống. Bài báo tiến hành khảo sát trên 125 giáo viên, 101 cha mẹ nhằm khái quát thực trạng nhận thức của giáo viên và cha mẹ về mức độ cần thiết, ý nghĩa, các bước sử dụng, thuận lợi, khó khăn trong quá trình sử dụng video làm mẫu cho thiếu niên RLPTK. Trên cơ sở đó đề xuất quy trình sử dụng video làm mẫu gồm 3 giai đoạn: (1) Giai đoạn 1: Định hướng xem video; (2) Giai đoạn 2: Sử dụng video; (3) Giai đoạn 3: Kết luận và thực hành. Cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng và chuẩn bị CSVC kỹ thuật để quá trình giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK đạt hiệu quả tốt nhất.

Từ khóa: thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ, video làm mẫu, kỹ năng kết bạn, quy trình sử dụng video.

1. Mở đầu

Phần lớn trẻ em đều thành công trong việc tạo dựng và duy trì tình bạn “được đặc trưng bởi các tương tác tình cảm ổn định, thường xuyên và gắn kết với nhau, được biểu hiện bằng một số loại dấu hiệu hành vi (ví dụ: kỹ năng chia sẻ, chơi và trò chuyện) tạo điều kiện thuận lợi cho các chức năng của tình bạn, thân mật và gần gũi” (Volkmar F, 2013) [1]. Tuy nhiên, trẻ RLPTK gặp rất nhiều khó khăn trong việc tạo dựng và duy trì tình bạn (Petrina, Carter, 2014) [2]. Đặc biệt với lứa tuổi thanh thiếu niên “việc hình thành kỹ năng kết bạn cho trẻ RLPTK trở thành thách thức lớn đối với họ và gia đình họ” (Shattuck và cộng sự, 2018, tr320) [3]. Ở giai đoạn này, KNKB đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp các thiếu niên thiết lập các mối quan hệ xã hội, tăng cường giao tiếp, tương tác với mọi người xung quanh (Nguyễn Hoài Thương, Đỗ Thị Thảo, 2021) [4]. Nghiên cứu của Rowley cho rằng thiếu niên RLPTK có ít tình bạn nhất trong tất cả các nhóm khuyết tật (Rowley và cộng sự, 2012) [5]. Các em gặp khó khăn trong việc hiểu “tình bạn”, hạn chế trong việc thể hiện bản thân, các cử chỉ thân thiết và lòng trung thành (Bauminger & Kasari, 2000) [6]. Ngay cả khi những thiếu niên RLPTK có thể mô tả những phẩm chất và hành động của bạn bè, họ vẫn gặp thách thức trong việc thực hiện kỹ năng thiết lập mối quan hệ, vui chơi với các bạn xung quanh (Locke, 2010) [7]. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào các mối quan hệ xã hội có ý nghĩa. Chúng bao gồm những khiếm khuyết trong tương tác xã hội cũng như sự thiếu linh hoạt trong hành vi, là những đặc điểm cốt lõi của chẩn đoán RLPTK (Hudson, 2012) [8]. Chính vì thế, giao tiếp với bạn bè đồng trang lứa thường đặt ra những thách thức cho những thiếu niên RLPTK. Đối với nhiều thanh thiếu niên RLPTK, sự

Ngày nhận bài: 2/8/2021. Ngày sửa bài: 29/8/2021. Ngày nhận đăng: 10/9/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hoài Thương. Địa chỉ e-mail: hoaituong.hnue0803@gmail.com

tương tác với bạn bè thường bị hạn chế hoặc không tồn tại, ngay cả đối với những người được dạy trong môi trường giáo dục phổ thông (Babb, 2020) [9]. Do đó, dạy các kỹ năng cần thiết để tạo ra và duy trì tình bạn có tác động đáng kể đến cuộc sống lâu dài đối với các em (Frankel, 2010) [10].

Hiện nay, có rất nhiều tác giả với các nghiên cứu nổi bật mang lại nhiều hiệu quả cao trong quá trình giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK, trong đó sử dụng các phương pháp câu chuyện xã hội, video làm mẫu, can thiệp qua trung gian đồng đẳng, can thiệp phát triển, can thiệp hành vi, can thiệp giảng dạy có cấu trúc và can thiệp dựa trên máy tính (Bellini & Peters, 2008; Walton & Ingersoll, 2013) [11]; [12]. Đặc biệt, video làm mẫu là một kỹ thuật hướng dẫn được sử dụng rộng rãi đã được áp dụng để dạy trẻ RLPTK, được chứng minh là có hiệu quả trong việc dạy nhiều kỹ năng khác nhau (Alzyoudi, 2015; Stauch, 2018) [13]; [14]. Xây dựng video làm mẫu trong giáo dục trẻ RLPTK góp phần giúp trẻ bắt chước hành vi tốt, cải thiện những kỹ năng giao tiếp, kết bạn với thầy cô giáo, bạn bè, thiết lập mối quan hệ với các bạn xung quanh (Đỗ Thị Thảo, 2016) [15].

Như vậy, các nghiên cứu trên đã khẳng định tầm quan trọng của việc giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK. Tuy nhiên, các nghiên cứu chỉ mới tập trung sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKH nói chung và cho nhóm trẻ nhỏ tại Việt Nam. Còn vắng bóng các nghiên cứu về sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học khác nhau trong giáo dục KNKB cho thiếu niên, giúp các em thực hiện được các KNKB, phát triển giao tiếp, tương tác xã hội một cách hiệu quả nhất.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về việc sử dụng video làm mẫu giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ

- *Các phương pháp giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK*: Trong quá trình hình thành KNKB cho thiếu niên RLPTK, chúng ta có thể sử dụng một số các phương pháp cơ bản đó là: (1) Phương pháp sử dụng câu chuyện xã hội (CCXH): Các câu chuyện xã hội thường xuyên được sử dụng để cải thiện tương tác xã hội của trẻ RLPTK (Karal, M., & Wolfe, P, 2018) [16]. Các CCXH đã được sử dụng rộng rãi cho trẻ RLPTK và trẻ chậm phát triển nhằm mục đích giảm bớt sự gây hấn và cải thiện các mối quan hệ đồng đẳng tích cực trong môi trường giáo dục (Benish, T. M., & Bramlett, R. K, 2011) [17]. Bên cạnh đó, CCXH tạo ra nhằm giải quyết những khó khăn xã hội của trẻ RLPTK. Khung lý thuyết về sự can thiệp của các câu chuyện xã hội dựa trên lý thuyết về thuyết tâm trí (Baron-Cohen, S, 1989; Happé, F. G. E, 1994) [18]; [19]. Vì vậy, các CCXH giúp trẻ RLPTK hiểu được các tình huống xã hội bằng cách cung cấp thông tin chi tiết về các sự kiện xã hội mà trẻ RLPTK không biết; minh họa một cách cụ thể và thực tế các bước thực hiện kỹ năng (Gray, C. A, 2000) [20]; (2) Phương pháp trị liệu và phản hồi then chốt: “Trị liệu phản hồi then chốt (Pivotal Response, PRT) là cách tiếp cận hành vi tự nhiên đối với các thiếu niên RLPTK” (Koegel, 1992) [21]. Trị liệu phản hồi then chốt có ý nghĩa quan trọng, như một phương pháp thực hành dựa trên chứng cứ và có các dữ liệu chứng minh tính hiệu quả, tiên bộ trong việc áp dụng nhằm giáo dục KNKH cho thiếu niên RLPTK; (3) Phương pháp xây dựng các kịch bản sẵn có (Social Scripting): Bao gồm hai loại kịch bản: kịch bản trên giấy và kịch bản bằng băng ghi âm. Một kịch bản trên giấy là một từ, cụm từ, hoặc câu được viết ra để gợi ý trẻ RLPTK nói hoặc thực hiện những đáp ứng cụ thể trong bối cảnh cụ thể. Một kịch bản băng ghi âm là một bản đọc được ghi âm lại nhằm sử dụng để gợi ý cho trẻ đưa ra câu nói của mình trong những bối cảnh nhất định; (4) Phương pháp sử dụng các trò chơi giả vờ (Pretend play): Các trò chơi giả vờ mô phỏng tính huống hoặc các sự kiện trong thực tế cuộc sống, là cơ hội giúp trẻ học và thực hành các kỹ năng cơ bản: chơi luân phiên, khởi xướng giao tiếp, hội thoại... Phương pháp này có vai trò quan trọng, giúp thiếu niên có thể thực hành và áp dụng các kỹ năng đã học được vào tình huống thực tế, giúp các em rèn luyện, củng cố, sửa sai, tự rút kinh nghiệm

trong các hoàn cảnh cụ thể; (5) Phương pháp sử dụng video làm mẫu: Video làm mẫu là một trong những thành phần quan trọng của các phương pháp định hướng hành vi trong môi trường giáo dục (Buggey, T, 1999) [22]. Ngoài ra, các hướng dẫn trực quan ngày càng được kết hợp chặt chẽ trong các can thiệp vì trẻ RLPTK thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ trực quan (Marks et al, 2003; O'Riordan & Plaisted, 2001; O'Riordan, Plaisted, Driver, & Baron-Cohen, 2001; Quill, 1997; Shipley-Benamou, Lutzker, & Taubman, 2002) [23]; [24]; [25]; [26]; [27]. Xem xét cả mô hình hóa và hướng dẫn trực quan là yếu tố quan trọng của nhiều chiến lược điều trị, việc sử dụng các video làm mẫu hướng đến mục tiêu giảm thiểu các khiếm khuyết xã hội cho trẻ RLPTK là một đề xuất hợp lý (Ayres & Langone, 2005) [28].

- *Sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK:*

(1) Khái niệm video làm mẫu: Video làm mẫu (video Modeling) là một phương pháp giảng dạy trực quan được thực hiện bằng cách cho học sinh xem một đoạn video của một người nào đó (người lớn hoặc bạn cùng trang lứa) làm mẫu hoặc diễn tả hành vi hay một kỹ năng mục tiêu và sau đó trẻ bắt chước các hành vi/ kỹ năng quan sát được (Sturmey, 2003) [29]. Sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK là quá trình áp dụng, triển khai các video làm mẫu vào các tình huống phù hợp trong thực tế từ đó nhằm hình thành, xây dựng và khái quát hóa các KNKB trong tình huống khác nhau của cuộc sống (Gena, 2005) [30].

(2) Ý nghĩa của việc sử dụng video làm mẫu đối với quá trình giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK: Giúp thiếu niên nắm vững các kiến thức, kỹ năng và ghi nhớ một cách hiệu quả; Giảm thiểu căng thẳng, lo lắng; Nâng cao hiệu suất và phát huy tác dụng của mọi hình thức giáo dục [15].

(3) Nguyên tắc xây dựng video làm mẫu: Vì hành vi của người quan sát có thể thay đổi chỉ sau một lần tiếp xúc với mô hình (Deguchi, H, 1984) [31], mô hình hóa có thể là một công cụ tối ưu giúp hình thành hành vi mới và cải thiện các hành vi đã có (Igo, M., French, R., & Kinnison, L, 1997; Leaf, R., & McEachin, 1999) [32]; [33]. Đặc biệt, khi áp dụng mô hình video làm mẫu vào các chương trình giáo dục cho học sinh RLPTK, điều quan trọng cần lưu ý những đặc trưng và nguyên tắc sau đây:

+ *Thứ nhất*, cần xây dựng video phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh, bởi vì trong nhiều trường hợp thiếu niên RLPTK có thể bắt chước hành vi sau lần đầu tiên quan sát video làm mẫu trong điều kiện nội dung của video dễ hiểu, dễ tiếp thu và có sự tương đồng với khả năng tiếp nhận của trẻ hoặc nằm trong vùng phát triển gần (Baldwin, J. D., & Baldwin, 1986) [34].

+ *Thứ hai*, để video làm mẫu xảy ra, học sinh RLPTK phải có khả năng tham gia vào các kỹ năng thể hiện trong video làm mẫu hoặc mô phỏng các kỹ năng tương tự (Miltenberger, R. G, 1997) [35].

+ *Thứ ba*, cần lưu ý xem xét các kết quả của việc thực hiện kỹ năng có thể giúp củng cố hoặc giảm bớt tần suất của việc xuất hiện các hành vi thể hiện trong video làm mẫu (Ross, A. O, 1981) [36]. Tương tự như vậy, kết quả của việc bắt chước các hành vi của người làm mẫu có thể ảnh hưởng đến học sinh RLPTK trong quá trình bắt chước thực hiện kỹ năng (Chance, 1999) [37].

+ *Thứ tư*, kỹ năng được thể hiện trong video làm mẫu phải phù hợp với năng lực hiện tại của thiếu niên RLPTK. Nếu học sinh RLPTK phải bắt chước một hành vi khá phức tạp, đòi hỏi những kỹ năng mà học sinh không có thì trẻ RLPTK không thể thực hiện kỹ năng theo video làm mẫu, và khi đó việc xây dựng video làm mẫu không có nhiều giá trị trong quá trình giáo dục (Kazdin, A. E, 2001) [38].

+ *Thứ năm*, sự củng cố các hành vi trong quá khứ giúp trẻ bắt chước thực hiện kỹ năng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Trong quá trình xây dựng và giáo dục kỹ năng thông qua video làm mẫu cần tích cực sử dụng các củng cố phù hợp: sở thích, hoạt động học sinh RLPTK yêu thích để giúp trẻ có động lực thực hiện kỹ năng một cách hiệu quả (Leslie, 1999) [39].

(4) Quy trình xây dựng video làm mẫu [15] Gồm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn bao gồm các bước cụ thể sau: (i) Giai đoạn 1: Xác định hành vi mục tiêu cần dạy cho trẻ RLPTK và mô tả hành vi mục tiêu; Xác định chủ đề và nội dung gắn liền với thời lượng cho một video; Xác định hình thức thể hiện của video làm mẫu; Xác định khả năng thực hiện việc xây dựng video làm mẫu; (ii) Giai đoạn 2: Viết kịch bản; Thu thập số liệu cơ sở; Tổ chức nhóm xây dựng video làm mẫu; (iii) Giai đoạn 3: Ráp dựng video; Chỉnh sửa video đã dàn dựng theo kịch bản; Viết bản hướng dẫn sử dụng video làm mẫu.

2.2. Thực trạng sử dụng video làm mẫu giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ

2.2.1. Tổ chức khảo sát

Mục đích khảo sát: Tiến hành khảo sát thực trạng việc sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK, cùng với kết quả nghiên cứu lí luận để làm cơ sở xây dựng quy trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK.

Nội dung khảo sát: Nhận thức của giáo viên, cha mẹ về sự cần thiết và ý nghĩa sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB; Nhận thức của giáo viên, cha mẹ về quy trình sử dụng video; Nhận thức của giáo viên, cha mẹ các thuận lợi, khó khăn trong quá trình sử dụng; Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK.

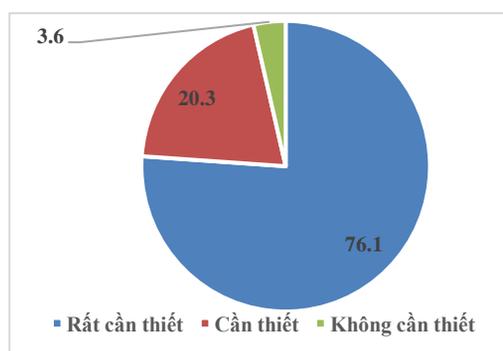
Phương pháp khảo sát: Sử dụng phiếu khảo sát giáo viên, cha mẹ về thực trạng sử dụng video làm mẫu. Xử lí số liệu bằng thống kê toán học, phỏng vấn cha mẹ và giáo viên để làm rõ hơn kết quả nghiên cứu định lượng.

Địa bàn và khách thể khảo sát: Chúng tôi tiến hành khảo sát trên 125 giáo viên, 101 cha mẹ thiếu niên RLPTK tại các trường THCS hòa nhập và các trung tâm chuyên biệt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thời gian khảo sát: 2 tháng, từ tháng 11 năm 2020 đến 30 tháng 12 năm 2020

2.2.2. Kết quả khảo sát

- *Nhận thức về mức độ cần thiết của việc sử dụng video làm mẫu trong việc giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK*



Biểu đồ 1. Biểu đồ thể hiện mức độ cần thiết của việc sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK

- *Nhận thức về ý nghĩa của việc sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK*

Nhìn vào Bảng 1 có thể thấy đa số giáo viên và cha mẹ đã nhận thức được ý nghĩa của việc sử dụng video làm mẫu đối với quá trình giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK. Trong đó nội dung được giáo viên và cha mẹ lựa chọn nhiều nhất đó là “Giúp thiếu niên nắm vững các kiến thức, kỹ năng và ghi nhớ một cách hiệu quả” với $M = 2.60$. “Sử dụng video làm mẫu trong giáo

Kết quả Biểu đồ 1 cho thấy: đa số giáo viên và cha mẹ đều nhận thức rất cần thiết trong việc sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK, chiếm 76.1%. “Sử dụng video làm mẫu có vẻ rất phù hợp với nhu cầu của thiếu niên RLPTK khi học các kỹ năng” (Sturmeý, 2003) [40]. Chính vì thế, việc xây dựng quy trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK vô cùng cần thiết và quan trọng.

dục kỹ năng cho thiếu niên RLPTK đều mang lại hiệu quả đáng kể đối với nhiều lĩnh vực và trong nhiều bối cảnh khác nhau” (Cimen Acar, 2016; Sunyoung Kim, 2016) [41]; [42].

Bảng 1. Ý nghĩa của việc sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK

1 ≤ M ≤ 3

TT	Ý nghĩa	Rất đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý		M	SD	Thứ bậc
		SL (226)	Tỉ lệ (%)	SL (226)	Tỉ lệ (%)	SL (226)	Tỉ lệ (%)			
1	Giúp thiếu niên nắm vững các kiến thức, kỹ năng và ghi nhớ một cách hiệu quả	135	59.7	91	40.3	0	0	2.60	0.492	1
2	Giảm thiểu căng thẳng, lo lắng	127	56.2	99	43.8	0	0	2.56	0.497	2
3	Nâng cao hiệu suất và phát huy tác dụng của mọi hình thức giáo dục	112	49.6	111	49.1	3	1.3	2.48	0.527	3

- Nhận thức về quy trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK

Bảng 2. Nhận thức về quy trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK

Quy trình	Giáo viên		Cha mẹ		Chung		Thứ bậc
	SL (125)	Tỉ lệ (%)	SL (101)	Tỉ lệ (%)	SL (226)	Tỉ lệ (%)	
6 bước: (1) Giới thiệu nội dung video; (2) Xem video làm mẫu lần 1 và nhận biết các tình huống trong video làm mẫu; (3) Xem video lần 2 và nhận biết các bước thực hành kỹ năng; (4) Xem video lần 3 đồng thời làm mẫu cách thực hiện; (5) Khái quát lại tình huống và cách thực hiện kỹ năng; (6) Thực hành kỹ năng	25	20	16	15.9	41	18.2	3
5 bước: (1) Quan sát video làm mẫu; (2) Phân tích video; (3) Nhận biết các bước thực hiện kỹ năng; (4) Khái quát lại kỹ năng; (5) Thực hành kỹ năng	86	68.8	57	56.4	143	63.3	1
4 bước: (1) Định hướng xem video; (2) Xem và phân tích video; (3) Khái quát cách thực hiện; (4) Thực hành kỹ năng	14	11.2	28	27.7	42	18.5	2

Kết quả Bảng 2 cho thấy: đa số các giáo viên và cha mẹ đều lựa chọn quy trình sử dụng video gồm 5 bước, chiếm (63.3%). Theo các giáo viên và cha mẹ, trong quá trình sử dụng video cần tuân thủ theo các bước: Quan sát, phân tích video, nhận biết các bước thực hiện và khái quát lại kỹ năng. Tuy nhiên, chưa có sự thống nhất trong quy trình sử dụng nên cần xây dựng một quy trình sử dụng hoàn chỉnh, cụ thể, rõ ràng từng bước thực hiện và triển khai đồng bộ tại các cơ sở giáo dục nhằm đạt hiệu quả giáo dục cao nhất. Cô N.T.D chia sẻ: “Trong quá trình sử dụng các video làm mẫu, chúng tôi gặp nhiều khó khăn trong việc xác định lựa chọn quy trình, sử dụng các bước thực hiện. Vì thế, rất mong muốn có một quy trình sử dụng hoàn chỉnh, cụ thể từng bước để thực hiện và mang lại hiệu quả giáo dục cao”.

- Thuận lợi và khó khăn trong quá trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK

Bảng 3. Thuận lợi và khó khăn trong quá trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK ($1 \leq M \leq 3$)

Thuận lợi										
TT	Các yếu tố thuận lợi	Rất đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý		M	SD	Thứ bậc
		SL (226)	Tỉ lệ (%)	SL (226)	Tỉ lệ (%)	SL (226)	Tỉ lệ (%)			
1	Hệ thống video làm mẫu phong phú, đa dạng theo các nội dung, lĩnh vực giáo dục	197	12.8	29	87.2	0	0	2.87	0.335	1
2	Các thiếu niên RLPTK tập trung, hứng thú khi học KNKB thông qua video	193	85.4	33	14.6	0	0	2.85	0.354	3
3	giáo viên và cha mẹ nhận thức được sự cần thiết của việc sử dụng video làm mẫu trong quá trình giáo dục	194	85.8	32	14.2	0	0	2.86	0.349	2
Khó khăn										
TT	Các yếu tố khó khăn	Rất đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý		M	SD	Thứ bậc
		SL (226)	Tỉ lệ (%)	SL (226)	Tỉ lệ (%)	SL (226)	Tỉ lệ (%)			
1	Khó khăn trong việc lựa chọn video phù hợp với nội dung giáo dục KNKB	204	90.3	16	7.1	6	2.7	2.88	0.403	4
2	Gặp khó khăn trong việc xác định quy trình các bước sử dụng video một cách hiệu quả.	218	96.5	3	1.3	5	2.2	2.94	0.314	1
3	giáo viên, cha mẹ gặp khó khăn khi phân tích các bước thực hiện video.	215	95.1	6	2.7	5	2.2	2.93	0.332	2
4	CSVC, trang thiết bị chưa đảm bảo trong quá trình dạy KNKB qua video làm mẫu.	213	94.2	5	2.2	8	3.5	2.91	0.395	3

Bảng 3 cho thấy: Trong quá trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK, giáo viên và cha mẹ gặp thuận lợi khi có “Hệ thống video làm mẫu phong phú, đa dạng theo các nội dung, lĩnh vực giáo dục” với $M = 2.87$, tiếp theo đó là thuận lợi khi “giáo viên và cha mẹ nhận thức được sự cần thiết của việc sử dụng video làm mẫu trong quá trình giáo dục” với $M = 2.86$. “giáo viên và cha mẹ cho rằng khi sử dụng video làm mẫu dẫn đến việc tiếp thu các nhiệm vụ và học kỹ năng nhanh hơn so với các phương pháp giáo dục thông thường và thúc đẩy quá trình khái quát hóa KNKB ở thiếu niên” (C. K. Nikopoulos, 2004) [43]. Bên cạnh đó, trong quá trình giáo dục KNKB gặp nhiều khó khăn trong việc “Xác định quy trình các bước sử dụng video một cách hiệu quả” với $M = 2.94$. Theo các chia sẻ của các giáo viên “Chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định các bước và cách thực hiện video một cách hiệu quả. Các giáo viên thường tiến hành với quy trình chưa phù hợp vì thế chưa mang lại hiệu quả cao trong quá trình giáo dục”. Vì vậy, một vấn đề đặt ra đó là cần xây dựng quy trình sử dụng video cụ thể, chi tiết với cách thức sử dụng rõ ràng để giáo viên và cha mẹ có thể ứng dụng trong quá trình giáo dục thiếu niên RLPTK.

2.3. Đề xuất quy trình sử dụng video làm mẫu giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK

Video làm mẫu sử dụng có hiệu quả trong việc hình thành và phát huy các KNKB ở thiếu niên RLPTK. Sử dụng câu chuyện xã hội và video làm mẫu là hai biện pháp có hiệu quả trong dạy các kỹ năng xã hội cho trẻ RLPTK (B. Y. Wert, 2003) [44]. Video làm mẫu có thể giúp thiếu niên RLPTK chơi xã hội và tương tác với nhau. Sử dụng video làm mẫu giúp cho lời nói và hành động chơi của thiếu niên tăng lên và được duy trì ở mức cao (A. L. Apple, 2005) [45]. Quy trình sử dụng video làm mẫu gồm 3 giai đoạn, được chia thành các bước cụ thể giúp giáo viên và cha mẹ có thể dễ dàng áp dụng, thực hiện và mang lại hiệu quả.



Sơ đồ 1. Quy trình sử dụng video làm mẫu GD KNKB cho thiếu niên RLPTK

* *Giai đoạn 1: Định hướng xem video*, giới thiệu nội dung video: giáo viên tiến hành giới thiệu cho thiếu niên nắm được nội dung của video. Cần giới thiệu ngắn gọn, đúng trọng tâm và dễ hiểu để thiếu niên có thể nhận biết được một cách dễ dàng. Lưu ý, đối với KNKB, trong quá trình định hướng xem video, giáo viên cần đưa ra tên video hoặc kỹ năng cần giáo dục một cách ngắn gọn, dễ tiếp thu và đầy đủ nhất giúp thiếu niên RLPTK có thể dễ dàng nắm được kỹ năng và ghi nhớ. Ví dụ: Kết bạn mới, Rủ bạn cùng chơi, Tham gia chơi cùng các bạn...

* *Giai đoạn 2: Sử dụng video: (1) Bước 1: Xem video làm mẫu lần 1 và nhận biết các tình huống trong video làm mẫu:* giáo viên tiến hành cho thiếu niên quan sát và xem video làm mẫu lần 1. Cho các thiếu niên xem và đảm bảo chất lượng âm thanh, hình ảnh trong suốt quá trình chiếu video. Sau đó, giáo viên đặt các câu hỏi cho các thiếu niên: “*Tình huống trong video là gì?*”, chờ đợi, gợi ý cho thiếu niên trả lời. Sau đó giáo viên trả lời và giới thiệu tình huống cho thiếu niên nắm được. Ví dụ: Video làm mẫu hướng dẫn cách tham gia chơi cùng các bạn, tình huống có trong video đó là: Các bạn đang chơi trò chơi xếp hình, các bạn nói chuyện và cười rất vui vẻ. Lưu ý, giáo viên cần mô tả tình huống ngắn gọn, đúng trọng tâm và khái quát đầy đủ tình huống xuất hiện trong video nhằm giúp thiếu niên nhận biết đầy đủ và chính xác nhất. Các tình huống trong video giúp thiếu niên xác định được các kỹ năng cần thực hiện và thúc đẩy quá trình khám phá, thực hiện kỹ năng của các em. Bên cạnh đó, trong quá trình xem video, giáo viên cần đảm bảo không gian, cơ sở vật chất đảm bảo, tranh tiếng ồn, tránh các tác nhân gây ảnh hưởng đến quá trình xem video của thiếu niên RLPTK. giáo viên và cha mẹ cần sử dụng các video phù hợp với mức độ nhận thức và tiếp thu của thiếu niên RLPRK, cần lựa chọn các video với nội dung ngắn gọn, các bước thực hiện kỹ năng một cách rõ ràng, cụ thể và rành mạch theo từng bước thực hiện. Một số video giáo viên và cha mẹ có thể sử dụng: Nói lời chào hỏi; Thực hành kết bạn; Tham gia chơi cùng nhóm bạn; Khi nào chúng ta cần giúp đỡ các bạn xung quanh? (2) *Bước 2: Xem video lần 2 và nhận biết các bước thực hiện kỹ năng:* giáo viên cho các thiếu niên xem video lần 2. Sau đó tiến hành hỏi các thiếu niên: “*Bạn trong video đã làm gì để xin chơi cùng các bạn?*” Tiếp theo, giáo viên cho các thiếu niên xem lại từng hình ảnh cách thực hiện kỹ năng có trong video, hỗ trợ thiếu niên gọi tên các bước thực hiện. Cuối cùng, giáo viên nhắc lại và khái quát các bước thực hiện kỹ năng. Ví dụ: Video làm mẫu hướng dẫn cách tham gia chơi cùng các bạn: (i) Bạn tiến đến gần nhóm các bạn đang chơi; (ii) Hỏi các bạn: “*Các bạn cho tớ chơi cùng được không?*”; (iii) Các bạn trả lời: “*Được thôi*”/ “*Đồng ý*”/ “*OK*”, bạn vào chơi cùng. Nếu các bạn trả lời: “*Không được*”/ “*Không đồng ý*”, bạn tìm nhóm khác xin tham gia chơi hoặc tự chơi đồ chơi một mình. Lưu ý: Trong quá trình giáo viên khái quát các bước thực hiện kỹ năng cho thiếu niên nắm được, cần cho thiếu niên quan sát hình ảnh trong video mô phỏng bước thực hiện đó, hoặc sử dụng quy trình thực hiện bằng hình ảnh nhằm giúp các em nhận biết cách thực hiện kỹ năng một cách dễ dàng hơn. Có thể nói, công nghệ video có rất phù hợp với trẻ em nói chung và đặc biệt phù hợp với nhu cầu của trẻ tự kỉ. Video làm mẫu mô phỏng các bước thực hiện một kỹ năng hành vi cụ thể, hiệu quả của mô hình video cho trẻ tự kỉ đã được chứng minh đối với nhiều kỹ năng khác nhau bao gồm tăng khả năng nói chuyện phát triển tương tác xã hội và các hoạt động chơi; (3) *Bước 3: Xem video lần 3, làm mẫu cách thực hiện:* giáo viên cho thiếu niên xem video lần thứ 3, sau đó tiến hành làm mẫu cách thực hiện kỹ năng đó cho các em quan sát, cùng cố và ghi nhớ các bước thực hiện kỹ năng.

* *Giai đoạn 3: Kết luận và thực hành: (1) Bước 1: Kết luận lại tình huống và cách thực hiện kỹ năng:* giáo viên yêu cầu các thiếu niên nhắc lại tình huống có trong video làm mẫu và các bước thực hiện tình huống đó. Trong quá trình học sinh trả lời, giáo viên có thể hỗ trợ gợi ý nhắc bằng hình ảnh các bước thực hiện kỹ năng, hỗ trợ lời nói, cử chỉ giúp học sinh ghi nhớ và khái quát kỹ năng một cách hiệu quả. Sau đó, giáo viên tiến hành khái quát lại tình huống có trong video và các bước thực hiện, sử dụng quy trình thực hiện bằng hình ảnh giúp thiếu niên dễ dàng tiếp thu, ghi nhớ và thực hiện. Ví dụ: Video làm mẫu tham gia chơi cùng các bạn, giáo viên khái quát lại các tình huống có trong video: Một nhóm bạn đang chơi trò chơi xếp hình rất vui vẻ. T rất muốn tham gia chơi cùng các bạn, T đã thực hiện các bước xin tham gia chơi như sau: (i) Bạn tiến đến gần nhóm các bạn đang chơi; (ii) Hỏi các bạn: “*Các bạn cho tớ chơi cùng được không?*”; (iii) Các bạn trả lời: “*Được thôi*”/ “*Đồng ý*”/ “*OK*”, bạn vào chơi cùng. Nếu các bạn trả lời: “*Không được*”/ “*Không đồng ý*”, bạn tìm nhóm khác xin tham gia chơi hoặc tự chơi đồ chơi một mình. Việc khái các nội dung và bước thực hiện của video làm mẫu đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp các thiếu niên tổng hợp, khái quát thông tin một cách cách toàn

diện và thực hiện theo các bước cụ thể; (2) *Bước 2: Thực hành kỹ năng*: giáo viên bố trí, sắp xếp cho học sinh thực hành kỹ năng, đóng vai thực hiện cùng các bạn trong lớp. Bởi “thực hành giúp thiếu niên ghi nhớ cách thực hiện và áp dụng linh hoạt trong các tình huống cụ thể”.

Lưu ý trong quá trình áp dụng quy trình sử dụng video giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK, các giáo viên và cha mẹ cần áp dụng một cách linh hoạt vào từng hoàn cảnh và nội dung giáo dục để đạt kết quả tốt nhất. Trong các tình huống nhất định, tùy thuộc vào mức độ tập trung chú ý của thiếu niên RLPTK, có thể rút ngắn thời gian của các lần xem video, hoặc kết hợp các lần xem video để giúp các thiếu niên tập trung chú ý hơn và tăng động cơ, hứng thú thực hiện kỹ năng. Bên cạnh đó, trong quá trình thiếu niên RLPTK thực hiện kỹ năng, gặp khó khăn trong việc ghi nhớ và khái quát cách thực hiện, giáo viên có thể chiếu chậm lại từng đoạn video tái hiện việc thực hiện kỹ năng đó cho các em quan sát và thực hiện theo. Vì vậy, vấn đề quan trọng nhất đó là các giáo viên và cha mẹ cần áp dụng quy trình các bước nhưng cần linh hoạt để đạt kết quả tốt nhất trong quá trình giáo dục các em.

3. Kết luận

Video làm mẫu là phương tiện dạy học trực quan mang lại hiệu quả tích cực trong quá trình giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK. Sử dụng video làm mẫu sẽ giúp các thiếu niên thực hiện kỹ năng theo từng bước cụ thể và chính xác, thúc đẩy giao tiếp, tương tác xã hội với các bạn xung quanh. Trong quá trình sử dụng video làm mẫu cần có sự phối hợp đồng bộ giữa giáo viên, cha mẹ và các nhà quản lý để đạt hiệu quả tích cực trong quá trình thực hiện. Quy trình sử dụng cần trải qua 3 giai đoạn với các bước cụ thể và rõ ràng nhằm thực hiện đạt hiệu quả tốt nhất (Giai đoạn 1: Định hướng video, giới thiệu nội dung video; Giai đoạn 2: Sử dụng video: Xem video làm mẫu lần 1 và nhận biết các tình huống trong video làm mẫu; Xem video làm mẫu lần 2 và nhận biết các bước thực hiện kỹ năng; Xem video làm mẫu lần 3, làm mẫu cách thực hiện; Giai đoạn 3: Kết luận và thực hành: Kết luận lại tình huống và cách thực hiện kỹ năng; Thực hành kỹ năng). Trong quá trình thực hiện cần đẩy mạnh các khuyến khích tích cực giúp thiếu niên tập trung, hào hứng và thực hành kỹ năng một cách hiệu quả nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Volkmar, F. R., & Volkmar, F. R. (Eds.), 2013. *Encyclopedia of autism spectrum disorders*. New York, NY: Springer
- [2] Petrina, N., Carter, M., & Stephenson, J., 2014. The nature of friendship in children with autism spectrum disorders: A systematic review. *Research in Autism Spectrum Disorders*, 8(2), 111-126.
- [3] Shattuck, P., Krauss, M. W., Orsmond, G., & Murphy, M. M., 2018. Psychological well-being and coping in mothers of youths with autism, down syndrome, or fragile X syndrome. *American Journal on Mental Retardation*, 109(3), 237-254.
- [4] Nguyen Hoai Thuong, Do Thị Thao, Nguyen Thi Hoa, Le Thi Hien, 2021. Teaching Friendship Skills to Adolescents with Autism Spectrum Disorder: Current Situation and Lessons. *America Journal of Education Research*, 2021, Vol 9, No. 4, 235 - 242. Kỷ yếu hội thảo quốc tế. Nxb Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh, ISBN: 9786043091496.
- [5] Rowley, E., Chandler, S., Baird, G., Simonoff, E., Pickles, A., Loucas, T., & Charman, T., 2012. The experience of friendship, victimization and bullying in children with an autism spectrum disorder: Associations with child characteristics and school placement. *Research in Autism Spectrum Disorders*, 6(3), 1126-1134.
- [6] Bauminger, N., & Kasari, C., 2000. Loneliness and friendship in high-functioning children with autism. *Child development*, 71(2), 447-456.

- [7] Locke, J., Ishijima, E. H., Kasari, C., & London, N., 2010. Loneliness, friendship quality and the social networks of adolescents with high-functioning autism in an inclusive school setting. *Journal of Research in Special Educational Needs*, 10(2), 74-81.
- [8] Hudson, M., Nijboer, T. C., & Jellema, T., 2012. Implicit social learning in relation to autistic-like traits. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 42(12), 2534-2545.
- [9] Babb, S., Raulston, T. J., McNaughton, D., Lee, J. Y., & Weintraub, R., 2020. The effects of social skill interventions for adolescents with autism: A meta-analysis. *Remedial and Special Education*, 0741932520956362.
- [10] Frankel, F., Myatt, R., Sugar, C., Whitham, C., Gorospe, C. M., & Laugeson, E., 2010. A randomized controlled study of parent-assisted children's friendship training with children having autism spectrum disorders. *Journal of autism and developmental disorders*, 40(7), 827-842.
- [11] Bellini, S., & Peters, J. K., 2008. Social skills training for youth with autism spectrum disorders. *Child and adolescent psychiatric clinics of North America*, 17(4), 857-873/ Walton, K. M., & Ingersoll, B. R. (2013).
- [12] Walton & Ingersoll, 2013. Improving social skills in adolescents and adults with autism and severe to profound intellectual disability: A review of the literature. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 43(3), 594-615.
- [13] Alzyoudi, M., Sartawi, A., & Almuhihi, O., 2015. The impact of video modelling on improving social skills in children with autism. *British Journal of Special Education*, 42(1), 53-68.
- [14] Stauch, T. A., Plavnick, J. B., Sankar, S., & Gallagher, A. C., 2018. Teaching social perception skills to adolescents with autism and intellectual disabilities using video-based group instruction. *Journal of Applied Behavior Analysis*, 51(3), 647-666.
- [15] Đỗ Thị Thảo, (2016), Quy trình xây dựng video làm mẫu giáo dục kỹ năng ứng xử với thầy cô và bạn bè cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ nhẹ trong trường mầm non hòa nhập. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội* - No8 (2016) p. 148-158.
- [16] Karal, M., & Wolfe, P., 2018. Social Story Effectiveness on Social Interaction for Students with Autism: A Review of the Literature. *Education and Training in Autism and Developmental Disabilities*, 53(1), 44-58. Retrieved June 29, 2021, from <https://www.jstor.org/stable/26420426>.
- [17] Benish, T. M., & Bramlett, R. K., 2011. Using social stories to decrease aggression and increase positive peer interactions in normally developing pre-school children. *Educational Psychology in Practice*, 27(1), 1-17.
- [18] Baron-Cohen, S., 1989. The autistic child's theory of mind: A case of specific developmental delay. *Journal of Child Psychology and Psychiatry and Allied Disciplines*, 30, 285-297.
- [19] Happé, F. G. E., 1994. An advanced test of theory of mind: Understanding of story characters' thoughts and feeling by able autistic, mentally-handicapped, and normal children and adults. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 24, 129-154.
- [20] Gray, C. A., 2000. *The new social story book*. Arlington, TX: Future Horizons.
- [21] Koegel, L. K., Koegel, R. L., Hurley, C., & Frea, W. D., 1992. *Improving social skills and disruptive behavior in children with autism through self-management*. *Journal of Applied Behavior Analysis*, 25(2), 341-353.
- [22] Buggey, T., Toombs, K., Gardener, P., & Cervetti, M., 1999. Training responding behaviors in students with autism: Using videotaped self-modeling. *Journal of Positive Behavior Interventions*, 1(4), 205-214.

- [23] Marks, S.U., Shaw-Hegwer, J., Schrader, C., Longaker, T., Peters, I., Powers, F., & Levine, M., 2003. Instructional management tips for teachers of students with Autism Spectrum Disorders (ASD). *Teaching Exceptional Children*, 35(4), 50-54.
- [24] O'Riordan, M. A., & Plaisted, K. C., 2001. Enhanced discrimination in autism. *Quarterly Journal of Experimental Psychology*, 54A(4), 961-979.
- [25] O'Riordan, M. A., Plaisted, K., Driver, J., & Baron-Cohen, S., 2001. Superior visual search in autism. *Journal of Experimental Psychology: Human Perception and Performance*, 27(3), 719-730.
- [26] Quill, K. A., 1997. Instructional considerations for young children with autism: the rationale for visually cued instruction. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 27(6), 697-714.
- [27] Shipley-Benamou, R., Lutzker, J. R. & Taubman, M., 2002. Teaching daily living skills to children with autism through instructional video modeling. *Journal of Positive Behavior Interventions*, 4, 165-175.
- [28] Ayres, K. M., & Langone, J., 2005. Intervention and instruction with video for students with autism: a review of the literature. *Education and Training in Developmental Disabilities*, 40(2), 183-196.
- [29] Sturmey, P., 2003. Video technology and persons with autism and other developmental disabilities. *Journal of Positive Behavior Interventions*, 5(1), 3-4.
- [30] Gena, A., Couloura, S., & Kymissis, E., (2005), Modifying the affective behavior of preschoolers with autism using in-vivo or video modeling and reinforcement contingencies. *Journal of Autism and Developmental Disabilities*, 35(5), 545-556.
- [31] Deguchi, H., 1984. Observational learning from a radical-behavioristic viewpoint. *The Behavior Analyst*, 7, 83-95.
- [32] Igo, M., French, R., & Kinnison, L., 1997. Influence of modeling and selected reinforcement on improving cooperative play skills of children with autism: Clinical Kinesiology. *Journal of the American Kinesiotherapy Association*, 51, 16-21.
- [33] Leaf, R., & McEachin, J., 1999. *Behavior management strategies and a curriculum for intensive behavioral treatment of autism*. New York: DRL Books, L.L.C.
- [34] Baldwin, J. D., & Baldwin, J. D., 1986. *Behavior principles in everyday life*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
- [35] Miltenberger, R. G., 1997. *Behavior modification. Principles and procedures*. Pacific Grove, CA: Brooks/Cole.
- [36] Ross, A. O., 1981. *Child behavior therapy. Principles, procedures, and empirical basis*. USA: John Wiley.
- [37] Chance, P., 1999. *Learning and behavior*. Pacific Grove: Brooks/Cole.
- [38] Kazdin, A. E., 2001. *Behavior modification in applied settings* (6th ed). Belmont, CA: Wadsworth/Thompson Learning.
- [39] Leslie, J. C., & O'Reilly, M. F., 1999. *Behavior analysis. Foundations and applications to psychology*. Amsterdam: Harwood.
- [40] P. Sturmey, 2003. "Video technology and persons with autism and other developmental disabilities: an emerging technology for PBS," *Journal of Positive Behavior Interventions*, vol. 5, pp. 3-4.
- [41] Cimen Acar, Elif Tekin-Iftar, and Ahmet Yikmis, 2016. *Effects of Mother-Delivered Social Stories and Video Modeling in Teaching Social Skills to Children With Autism Spectrum Disorders*, J Spec Educ, 0022466916649164, first published on May 9, 2016.

- [42] Sunyoung Kim, 2016. *Use of Video Modeling to Teach Developmentally Appropriate Play With Korean American Children With Autism*, Ranking: Education, Special 23 out of 39 | Rehabilitation (SSCI) 49 out of 71.
- [43] C. K. Nikopoulos and M. Keenan, 2004. “Effects of video modeling on social initiations by children with autism”. *Journal of Applied Behavior Analysis*, vol. 37, no. 1, pp. 93–96.
- [44] B. Y. Wert and J. T. Neisworth, 2003. “Effects of video self-modelling on spontaneous requesting in children with autism”. *Journal of Positive Behavior Interventions*, vol. 5, pp. 30–34.
- [45] A. L. Apple, F. Billingsley, and I. S. Schwartz, 2005. “Effects of video modeling alone and with self-management on compliment-giving behaviors of children with high-functioning ASD”. *Journal of Positive Behavior Interventions*, vol. 7, no. 1, pp. 33–46.

ABSTRACT

Current status and proposed process of using videos as a model for education of friend skills for adolescents with autism spectrum disorders

Nguyen Hoai Thuong*, Do Thi Thao và Le Thi Hien

Faculty of Special Education, Hanoi National University of Education

Using videos as a model in the process of educating how to make friends for adolescents with autism spectrum disorders has a number of benefits: assist them in recognizing the processes necessary to put skills into practice, generalize, and improve their ability to apply skills in real-life situations. In order to generalize the current state of knowledge of teachers and parents about the level of necessity, meaning, steps to use, advantages, and challenges in the process of using video as a model for adolescents with ASD, the paper conducts a survey on 125 teachers and 101 parents. On this foundation, a three-stage procedure for using video as a model is proposed: (1) Stage 1: Getting ready to watch video; (2) Stage 2: Using video; (3) Stage 3: Wrapping up and practicing. For the most effective education process of life skills education for adolescents with ASD, it is vital to have synchronous coordination between forces and to build technological basis.

Keywords: Adolescents with autism spectrum disorder, model video, making friends, using process.